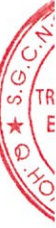


# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 42

114  
CH  
CI  
ÁCH N  
RNS  
VII  
TAI  
N.K.

01  
C  
C  
ĐNK  
TRI  
V.G.

Số tham chiếu: 61201380/17835968 - LR

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”), được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của chúng tôi đề ngày 21 tháng 8 năm 2015 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.




Building a better  
working world

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 13 tháng 8 năm 2014.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1067-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>369.250.706.770</b>	<b>450.377.560.503</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>25.107.242.118</b>	<b>97.094.853.557</b>
111	1. Tiền		25.107.242.118	77.094.853.557
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>2.626.660.100</b>	<b>2.386.660.700</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.944.000.000	3.944.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.317.339.900)	(1.557.339.300)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>165.108.432.853</b>	<b>134.463.843.958</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	115.680.207.133	101.691.025.673
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	12.789.089.968	12.562.321.890
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	28	3.413.953.964	3.413.953.964
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	35.909.899.763	19.481.260.406
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(2.684.717.975)	(2.684.717.975)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>175.564.488.797</b>	<b>214.617.801.926</b>
141	1. Hàng tồn kho		178.848.005.549	217.611.677.436
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.283.516.752)	(2.993.875.510)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>843.882.902</b>	<b>1.814.400.362</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		506.902.263	1.807.000.362
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		336.980.639	7.400.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>733.324.738.592</b>	<b>495.532.097.653</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>78.315.947.102</b>	<b>53.656.421.528</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	73.076.493.433	47.689.301.193
222	Nguyên giá		119.190.022.627	89.620.626.256
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.113.529.194)	(41.931.325.063)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.239.453.669	5.967.120.335
228	Nguyên giá		10.751.787.000	10.751.787.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.512.333.331)	(4.784.666.665)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>66.391.807.484</b>	<b>26.820.163.405</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	66.391.807.484	26.820.163.405
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>588.616.984.006</b>	<b>415.031.287.720</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		576.843.344.006	37.033.188.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	369.700.019.720
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.773.640.000	8.298.080.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>24.225.000</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	24.225.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.102.575.445.362</b>	<b>945.909.658.156</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG  
 KIỂM TOÁN NỘI BỘ  
 CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>338.871.093.008</b>	<b>194.433.334.591</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>300.942.887.743</b>	<b>194.433.334.591</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	78.672.433.676	89.104.414.964
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	6.362.976.531	17.338.581.655
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.028.407.441	2.191.691.929
314	4. Phải trả người lao động		31.404.558.689	31.090.139.221
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.234.720.459	530.643.428
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	36.274.646.361	12.588.566.452
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	115.387.820.750	24.044.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.577.323.836	17.545.296.942
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>37.928.205.265</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	37.928.205.265	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>763.704.352.354</b>	<b>751.476.323.565</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>763.704.352.354</b>	<b>751.476.323.565</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		200.478.359.094	140.402.261.406
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.030.465.410	126.878.534.309
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.884.996.210	5.884.996.210
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		73.145.469.200	120.993.538.099
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.102.575.445.362</b>	<b>945.909.658.156</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	442.781.290.881	381.589.551.508
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	40.805.842.188	22.038.169.200
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	22.1	401.975.448.693	359.551.382.308
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	258.055.400.511	241.707.775.240
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		143.920.048.182	117.843.607.068
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	6.375.949.650	1.653.705.295
22	7. Chi phí tài chính	24	5.744.026.649	201.511.039
23	Trong đó: chi phí lãi vay		2.144.121.025	14.000.000
25	8. Chi phí bán hàng	25	36.965.517.222	30.148.397.278
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31.863.750.770	29.513.571.795
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		75.722.703.191	59.633.832.251
31	11. Thu nhập khác		362.355.421	372.581.107
32	12. Chi phí khác		-	558.948.635
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		362.355.421	(186.367.528)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [14 = 30 + 40]		76.085.058.612	59.447.464.723
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	2.939.589.412	297.205.759
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		73.145.469.200	59.150.258.964

Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý

Phòng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		366.756.067.685	334.354.874.771
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(241.082.760.008)	(261.480.547.904)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(38.822.966.710)	(28.533.664.914)
04	Tiền lãi vay đã trả		(2.587.793.728)	(14.000.000)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(1.873.445.296)	(578.464.505)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.006.639.899	23.100.188.802
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.362.669.203)	(58.963.415.677)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>60.033.072.639</b>	<b>7.884.970.573</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(55.674.870.902)	(9.353.156.000)
23	Tiền thu hồi cho vay		-	236.749.895
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(190.062.013.838)	(236.885.640.103)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.375.828.612	1.097.346.080
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(238.361.056.128)</b>	<b>(244.904.700.128)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	329.231.825.000
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(102.270.000)
33	Tiền thu từ đi vay		183.203.497.315	103.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(53.931.471.300)	(103.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.942.500.000)	(15.029.268.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>106.329.526.015</b>	<b>314.100.287.000</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(71.998.457.474)	77.080.557.445
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		97.094.853.557	53.318.123.331
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		10.846.035	4.732.345
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	25.107.242.118	130.403.413.121



Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, Phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung và Tây Nguyên	Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 327 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 300).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	84,17%	84,17%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An (*)	43%	70%	Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51%	83,74%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

(\*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 vào ngày 21 tháng 8 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau.

##### 3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 30.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                        | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

##### Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### *Bản quyền*

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Các khoản đầu tư*

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4. MUA CÔNG TY CON MỚI TRONG KỲ

Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 21,49% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam, và qua đó, làm tăng phần sở hữu của Công ty trong công ty này lên 61,49% vào ngày 15 tháng 4 năm 2015. Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và các công ty con của công ty này đã trở thành các công ty con của Công ty từ ngày này.

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	5.578.705.686	7.381.330.681
Tiền gửi ngân hàng	19.528.536.432	69.713.522.876
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.107.242.118</u></b>	<b><u>97.094.853.557</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)**

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	183.203.497.315	103.000.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(53.931.471.300)	(103.000.000.000)

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>					
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Chứng khoán kinh doanh:						
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cây Rau Quả	3.944.000.000	(1.317.339.900)	2.626.660.100	3.944.000.000	(1.557.339.300)	2.386.660.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.944.000.000</b>	<b>(1.317.339.900)</b>	<b>2.626.660.100</b>	<b>3.944.000.000</b>	<b>(1.557.339.300)</b>	<b>2.386.660.700</b>

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ khách hàng	113.930.417.905	99.947.126.148
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.749.789.228	1.743.899.525
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>115.680.207.133</b>	<b>101.691.025.673</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.684.717.975)	(2.684.717.975)

Số dư phải thu từ khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không có khoản phải thu nào có giá trị vượt quá 10% trên tổng số dư phải thu khách hàng ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	7.700.285.477	8.516.597.470
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm</i>	1.420.335.000	-
<i>Công ty TNHH Cơ khí Công nghiệp nhẹ Bùi Văn Ngo</i>	4.727.350.000	-
<i>Công ty TNHH Kirby Đông Nam Á</i>	-	2.500.524.000
<i>Công ty EuroAsiatic Machinery</i>	-	3.193.462.853
<i>Công ty Everton Corporation</i>	-	1.972.710.617
<i>Trả trước nhà thầu xây dựng khác</i>	1.552.600.477	849.900.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	5.088.804.491	4.045.724.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.789.089.968</b>	<b>12.562.321.890</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Phải thu cổ tức (*)	18.438.260.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	15.137.503.200	18.253.815.440
Phải thu khác	2.334.136.563	1.225.244.966
Ký cược, ký quỹ	-	2.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.909.899.763</b>	<b>19.481.260.406</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	17.471.639.763	19.481.260.406
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	18.438.260.000	-

(\*) Đây là khoản phải thu cổ tức năm 2014 từ Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

**9. NỢ XẤU**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Đối tượng nợ (*)</i>				
Công ty TNHH Hải Anh	2.624.129.975	-	2.624.129.975	-
Khách hàng khác	60.588.000	-	60.588.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.684.717.975</b>	<b>-</b>	<b>2.684.717.975</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn trên 3 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng cho 100% giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	18.832.171.520	-	18.970.670.649	-
Công cụ, dụng cụ	12.149.500	-	9.685.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.538.436.296	-	921.085.147	-
Thành phẩm	151.943.791.983	(3.283.516.752)	167.985.249.237	(2.993.875.510)
Hàng hóa	6.521.456.250	-	29.724.986.903	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>178.848.005.549</b>	<b>(3.283.516.752)</b>	<b>217.611.677.436</b>	<b>(2.993.875.510)</b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số đầu kỳ	2.993.875.510	1.197.382.793
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ (*)	3.108.329.522	356.323.172
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.818.688.280)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.283.516.752</b>	<b>1.553.705.965</b>

(\*) Trong kỳ Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định.

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	45.335.605.388	700.563.000	14.151.760.723	29.432.697.145	89.620.626.256
Mua mới trong kỳ	-	38.400.000	786.976.000	-	825.376.000
XDCB hoàn thành trong kỳ	28.744.020.371	-	-	-	28.744.020.371
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	74.079.625.759	738.963.000	14.938.736.723	29.432.697.145	119.190.022.627
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	5.252.456.666	444.864.000	1.757.616.598	5.644.646.675	13.099.583.939
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	16.200.436.775	572.459.195	6.504.445.615	18.653.983.478	41.931.325.063
Khấu hao trong kỳ	1.674.258.419	32.858.622	667.858.746	1.807.228.344	4.182.204.131
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	17.874.695.194	605.317.817	7.172.304.361	20.461.211.822	46.113.529.194
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	29.135.168.613	128.103.805	7.647.315.108	10.778.713.667	47.689.301.193
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	56.204.930.565	133.645.183	7.766.432.362	8.971.485.323	73.076.493.433



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.395.787.000	71.000.000	8.285.000.000	10.751.787.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.395.787.000	71.000.000	8.285.000.000	10.751.787.000
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	120.000.000	71.000.000	1.500.000.000	1.691.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	120.000.000	71.000.000	4.593.666.665	4.784.666.665
Hao mòn trong kỳ	-	-	727.666.666	727.666.666
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	120.000.000	71.000.000	5.321.333.331	5.512.333.331
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	2.275.787.000	-	3.691.333.335	5.967.120.335
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	2.275.787.000	-	2.963.666.669	5.239.453.669

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Dự án Đồng Văn (*)	60.134.104.020	4.960.581.000
Dự án Kho dự trữ Quốc gia	3.548.287.000	3.466.687.000
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Phương Mai - Nhà văn phòng	-	15.845.157.741
Công trình khác	595.969.800	434.291.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.391.807.484</b>	<b>26.820.163.405</b>

(\*) Công ty đã sử dụng các tài sản được hình thành trong tương lai của dự án này để cầm cố/thế chấp cho các khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 19.2.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)		
	Giá gốc (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Giá gốc (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị hợp lý (VNĐ)
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)						
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (*)	30.608.000.000	30.608	-	30.608.000.000	30.608	-
- Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	6.425.188.000	420.860	-	6.425.188.000	420.860	-
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	539.810.156.006	9.219.130	454.503.109.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)						
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	-	369.700.019.720	5.996.940	323.834.760.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (*)	11.773.640.000	87.938	-	8.298.080.000	62.126	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>588.616.984.006</b>			<b>415.031.287.720</b>		

(\*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm giữ 8% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

**14.1 Đầu tư vào các công ty con**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	84,17%	84,17%	84,17%	84,17%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	-	-

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

**14.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	-	-	40,00%	40,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**15.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u> (Trình bày lại)	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả nhà thầu xây dựng	3.729.296.000	3.729.296.000	1.982.369.741	1.982.369.741
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH Giồng cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	15.745.748.522	15.745.748.522	47.018.337.704	47.018.337.704
- Công ty Giồng cây trồng Thịnh Du - Trung Quốc	1.158.440.400	1.158.440.400	14.153.658.760	14.153.658.760
- Phải trả đối tượng khác	58.036.548.754	58.036.548.754	25.314.033.091	25.314.033.091
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.400.000	2.400.000	636.015.668	636.015.668
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.672.433.676</b>	<b>78.672.433.676</b>	<b>89.104.414.964</b>	<b>89.104.414.964</b>

**15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>
Người mua trả tiền trước	6.362.976.531	17.338.581.655
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.362.976.531</b>	<b>17.338.581.655</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VNĐ*

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</u>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	86.593.920	3.040.597.763	(3.034.246.102)	92.945.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	863.476.262	2.939.589.412	(1.873.445.296)	1.929.620.378
Thuế thu nhập cá nhân	1.087.315.718	3.945.669.418	(3.046.759.149)	1.986.225.987
Thuế khác	154.306.029	205.661.464	(340.351.998)	19.615.495
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.191.691.929</b>	<b>10.131.518.057</b>	<b>(8.294.802.545)</b>	<b>4.028.407.441</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí lãi vay phải trả	210.013.631	-
Chi phí phải trả khác	1.024.706.828	530.643.428
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.234.720.459</u></b>	<b><u>530.643.428</u></b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	22.942.500.000	-
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	5.063.862.886	5.063.862.886
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	2.254.740.431	1.743.116.389
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	984.550.275	984.550.275
Chi phí phải trả - Dự án lúa thuần	559.835.000	559.835.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	99.384.387	10.583.708
Kinh phí công đoàn	82.621.990	14.720.200
Chi phí phải trả Cục dự trữ Quốc gia	-	434.672.830
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.987.154.642	1.477.228.414
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.274.646.361</u></b>	<b><u>12.588.566.452</u></b>
Nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Trong kỳ			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>115.387.820.750</b>	<b>115.387.820.750</b>	<b>145.275.292.050</b>	<b>(53.931.471.300)</b>	<b>24.044.000.000</b>	<b>24.044.000.000</b>	<b>24.044.000.000</b>	
Vay ngân hàng ngắn hạn	113.896.766.000	113.896.766.000	143.784.237.300	(53.931.471.300)	24.044.000.000	24.044.000.000	24.044.000.000	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750	1.491.054.750	1.491.054.750	-	-	-	-	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>37.928.205.265</b>	<b>37.928.205.265</b>	<b>39.419.260.015</b>	<b>(1.491.054.750)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
Vay ngân hàng dài hạn	37.928.205.265	37.928.205.265	39.419.260.015	(1.491.054.750)	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.316.026.015</b>	<b>153.316.026.015</b>	<b>184.694.552.065</b>	<b>(55.422.526.050)</b>	<b>24.044.000.000</b>	<b>24.044.000.000</b>	<b>24.044.000.000</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	23.896.766.000	Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.  Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016.	Không
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	90.000.000.000	Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.  Hợp đồng vay có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2015. Thời gian cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Không
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>113.896.766.000</b>		

**19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	33.455.041.015	Hạn mức tín dụng là 77 tỷ đồng. Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan – Chi nhánh Hà Nội	5.964.219.000	Hạn mức tín dụng là 72 tỷ đồng. Gốc thanh toán 3 tháng/lần sau thời gian ân hạn 1 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 22 tháng 1 năm 2015.	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.419.260.015</b>		

**Trong đó:**

- Vay dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750
- Vay dài hạn	37.928.205.265

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn XDCB	Tổng cộng	Đơn vị tính: VNĐ
20.1	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu								
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014								
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 (trình bày lại)	100.298.380.000	54.797.592.850	-	89.769.343.829	85.678.195.516	262.128.000	330.805.640.195	
	Phát hành cổ phiếu	52.651.620.000	276.447.935.000	-	-	-	-	329.099.555.000	
	Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	59.150.258.964	-	59.150.258.964	
	Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	102.270.000	-	-	-	102.270.000	
	Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(102.270.000)	-	-	-	(102.270.000)	
	Trích lập quỹ	-	-	-	55.220.988.498	(55.220.988.498)	-	-	
	Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(9.482.794.308)	-	(9.482.794.308)	
	Cổ tức công bố	-	-	-	-	(15.029.416.500)	-	(15.029.416.500)	
	Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(135.000.000)	-	(135.000.000)	
	Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.462.650.760)	-	-	(1.462.650.760)	
	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	-	143.527.681.567	64.960.255.174	262.128.000	692.945.592.591	



## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
20.1	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)					
	<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	140.402.261.406	126.878.534.309	751.476.323.565
	Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	73.145.469.200	73.145.469.200
	Trích lập quỹ	-	-	61.771.278.935	(61.771.278.935)	-
	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.097.259.164)	(13.097.259.164)
	Cổ tức công bố	-	-	-	(45.885.000.000)	(45.885.000.000)
	Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
	Sử dụng quỹ (*)	-	-	(1.695.181.247)	-	(1.695.181.247)
	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	152.950.000.000	331.245.527.850	200.478.359.094	79.030.465.410	763.704.352.354

Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 được thực hiện theo Nghị quyết số 118/NQ-ĐHCĐ2014 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015.

(\*) Theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 10 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của chủ sở hữu	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (công ty mẹ)	88.494.930.000	88.494.930.000	-	86.664.950.000	86.664.950.000	-
- Vốn góp của đối tượng khác	64.455.070.000	64.455.070.000	-	66.285.050.000	66.285.050.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>-</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>-</b>

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Vốn đã góp</b>		
Vào ngày 31 tháng 12	152.950.000.000	100.298.380.000
Tăng vốn trong kỳ	-	52.651.620.000
Giảm vốn trong kỳ	-	-
Vào ngày 30 tháng 6	<u>152.950.000.000</u>	<u>152.950.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>(45.885.000.000)</b>	<b>(15.029.416.500)</b>

**20.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Cổ tức đã công bố trong kỳ</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 đồng /cổ phiếu	45.885.000.000	-
Cổ tức cho năm 2013: 1.500 đồng /cổ phiếu	-	15.029.416.500
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</b>		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.5 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	152.950.000.000	15.295.000	152.950.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba	1.431.386.527	1.431.386.527
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba – VNĐ (*)	33.757.000.000	79.216.000.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	21.911	21.901
- Nhân dân tệ (CNY)	100.967	89.068
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000

(\*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2014 số 02 HĐMB/DTQG ngày 5 tháng 11 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>442.781.290.881</b>	<b>381.589.551.508</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	442.775.318.154	381.589.551.508
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	5.972.727	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>40.805.842.188</b>	<b>22.038.169.200</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	16.121.934.018	5.897.765.200
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	24.683.908.170	15.784.019.400
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	356.384.600
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>401.975.448.693</b>	<b>359.551.382.308</b>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	649.787.586	1.188.665.742
Cổ tức và lợi nhuận được chia	5.242.054.748	106.666.400
Lãi từ thanh lý đầu tư ngắn hạn	-	20.338.265
Lãi chênh lệch tỷ giá	484.107.316	338.034.888
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.375.949.650</b>	<b>1.653.705.295</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	254.947.070.989	241.351.452.068
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.108.329.522	356.323.172
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>258.055.400.511</b>	<b>241.707.775.240</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí lãi vay	2.144.121.025	14.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	596.312.779	174.089.244
Chiết khấu thanh toán	(239.999.400)	13.333.300
Chi phí tài chính khác	3.243.592.245	-
	-	88.495
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.744.026.649</u></b>	<b><u>201.511.039</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
<b><i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i></b>	<b><i>36.965.517.222</i></b>	<b><i>30.148.397.278</i></b>
Chi phí tiền lương, tiền công lao động	13.152.640.212	11.707.374.917
Chi phí vận chuyển	8.886.428.319	6.586.621.592
Chi phí khấu hao	3.801.804.062	4.115.710.230
Chi phí bán hàng khác	11.124.644.629	7.738.690.539
<b><i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i></b>	<b><i>31.863.750.770</i></b>	<b><i>29.513.571.795</i></b>
Chi phí tiền lương, tiền công lao động	23.161.069.407	20.884.452.959
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.702.681.363	8.629.118.836
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>68.829.267.992</u></b>	<b><u>59.661.969.073</u></b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	241.400.993.846	237.437.670.976
Chi phí nhân công	41.416.250.753	37.301.920.462
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.909.870.797	4.812.369.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.860.781.876	24.857.734.424
Chi phí khác	4.916.627.272	2.641.636.442
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>311.504.524.544</u></b>	<b><u>307.051.332.266</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN (từ năm 2011);
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 22%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Thuế TNDN hiện hành	3.612.750.615	297.205.759
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	<u>(673.161.203)</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.939.589.412</u></b>	<b><u>297.205.759</u></b>

### 27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>76.085.058.612</b>	<b>59.447.464.723</b>
<b>Các điều chỉnh giảm lợi nhuận theo kế toán</b>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(5.242.054.748)	(106.666.400)
Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	180.000.000	-
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>71.023.003.864</b>	<b>59.340.798.323</b>
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế ước tính từ hoạt động khoa học và công nghệ	70.660.648.443	58.096.529.450
Thu nhập tính thuế ước tính từ hoạt động khác	362.355.421	1.244.268.873
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>7.145.783.037</b>	<b>6.106.858.704</b>
Thuế TNDN được miễn giảm	(3.533.032.422)	(5.809.652.945)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính sau miễn giảm và điều chỉnh</b>	<b>3.612.750.615</b>	<b>297.205.759</b>
<b>Thuế TNDN phải trả</b>		
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	863.476.262	483.593.023
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(673.161.203)	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.873.445.296)	(578.464.505)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>1.929.620.378</b>	<b>202.334.277</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm Cổ tức được chia	3.434.866.386 520.336.000	6.121.304.018 321.566.000
Công ty Cổ phần Giồng Nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Xuất bán hàng hóa, vật tư, thành phẩm Mua hàng hóa	1.733.543.520 1.340.736.000	40.950.000 1.120.144.990
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam	Công ty con	Cổ tức được chia	18.438.260.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay ngắn hạn, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2014: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>Phải thu khách hàng</b> (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng hóa	774.707.394	1.743.899.525
Công ty Cổ phần Giồng nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	975.081.834	-
			<b>1.749.789.228</b>	<b>1.743.899.525</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Giồng nông lâm nghiệp Quảng Nam (*)	Công ty con	Cho vay	3.413.953.964	3.413.953.964
			<b>3.413.953.964</b>	<b>3.413.953.964</b>

(\*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất là 7,5%/năm và sẽ được hoàn trả dựa trên yêu cầu cụ thể của Công ty.







THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên



Ngày 21 tháng 8 năm 2015